

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST

Ngày: 13/11/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH A**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Đường;

Ông Nguyễn Văn Phụng.

**- *Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh A.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh A tham gia phiên toà:***  
Ông Nguyễn Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

**Phan Duy H**, tên gọi khác: không; sinh ngày: 05 tháng 11 năm 1975, tại xã L, huyện H, tỉnh A; nơi cư trú: Xóm 2, xã L, huyện H, tỉnh A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Duy H - đã chết; con bà: Đàm Thị T - sinh năm: 1945; vợ: Phạm Thị T (Đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/02/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh A ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng. (Quyết định số 34/2019/QĐ-TA) - Chấp hành xong vào ngày 10/3/2020; nhân thân: Ngày 12/01/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh A xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội: “Đánh bạc” (Bản án số 17/2006/HSST) - Bị cáo đã chấp hành xong bản án; ngày 09/8/2010 bị Tòa án nhân

dân thành phố V, tỉnh A xử phạt 03 tháng tù về tội: “Đánh bạc” (Bản án số 292/2010/HSST); ngày 19/8/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh A xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 324/2010/HSST) – Bị cáo đã chấp hành xong bản án số 292 và 324 vào năm 2012 theo quyết định tổng hợp hình phạt số 02/QĐ-CA ngày 20/9/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh A. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2020 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:*

1, Anh Phan Đình T; sinh năm 1969; nơi cư trú: Xóm 4, xã L, huyện H, tỉnh A. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

2, Chị Nguyễn Thị V; sinh năm 1973; nơi cư trú: Xóm 1, xã L, huyện H, tỉnh A. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Phan C; sinh năm: 1927; nơi cư trú: Xóm 4, xã L, huyện H, tỉnh A. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 26/5/2020, sau khi sử dụng ma túy đá, H một mình đi bộ xung quanh xóm 2, xã L, huyện H, tỉnh A rồi đi lên khu vực đường Quốc lộ 46C (đê Tả Lam) thuộc xã L, huyện H, tỉnh A. Trên đường đi, do bị ảo giác có người đuổi theo để đánh nên H nhặt 1 nửa viên gạch màu đỏ và 1 viên đá cầm ở hai tay để phòng thân. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi đi đến trước nhà anh Nguyễn Đình T (Thuộc xóm 4, xã L, huyện H) do khát nước nên H cầm viên gạch và viên đá đi vào nhà anh Tranh để xin nước uống. Khi vào đến cửa chính nhà anh Tranh, H thấy ông Phan Cự (bố đẻ anh Tranh) đang ngồi xem ti vi tại phòng khách nên nói: "Bác ơi cho con miếng nước". Ông Cự trả lời: "Có nước đó, vào mà uống" đồng thời chỉ tay về phía bình nước. H đi vào phòng khách, đến bình nước lấy cốc rót nước uống. Rót đến cốc thứ 02 thì hết nước nên H tự ý đi xuống nhà bếp (giáp phòng khách) để tìm nước uống. Lúc này, thấy H tự ý đi xuống nhà bếp nên ông Cự đi theo H. Khi xuống khu vực nhà bếp, H để viên gạch và viên đá trên bệ rửa bát, rồi lấy cốc để trên tủ bếp và rót nước máy ở vòi nước trên bệ rửa bát uống. Uống nước xong, thấy hai chiếc dao lợ dắt ở giá để dao trên bệ rửa bát, H rút hai

chiếc dao đó cầm ở tay trái. Thấy vậy, ông Cự nói với H: "Uống nước rồi, mi xuống đây mân chi, mi lấy dao mân chi". H im lặng cầm dao đi ra. Thấy vậy, ông Cự đi theo H ra đến cửa phòng khách thì dừng lại. H tiếp tục đi xuống sân nhà. Lúc này ông Cự nói tiếp "Trả dao đây, bỏ dao xuống, mi cầm dao mân chi". H im lặng, không trả lời. Khi đó, anh T đang ở trong phòng ngủ, nghe tiếng ông Cự nói thì chạy ra cửa phòng khách, thấy H tay cầm 02 dao thì nói: "H, mi mân chi rứa H". H vẫn im lặng. Lúc này, H quan sát thấy có 02 chiếc xe mô tô dựng ở sân, sát với bộ dong gỗ, trong đó có một chiếc xe mô tô Wawe RS màu đỏ đen, biển kiểm soát 37L9-9270 đang cắm chìa khóa ở ổ khóa điện nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe Wawe RS màu đỏ đen này để làm phương tiện đi lại. H đi đến chiếc xe Wawe RS màu đỏ đen và cúi người xuống, dùng tay phải mở ổ khóa điện (Lúc này tay trái H vẫn đang cầm 2 chiếc dao), quay đầu xe hướng ra cổng và ngồi lên xe. Thấy vậy, anh T bước xuống sân, đứng trước xe, cách đầu xe khoảng 3m. Anh Tranh nói: "Mi cướp à H". H nói lại: "Em cướp đó, anh có tránh ra không". Nghe H nói vậy anh Tranh cúi người xuống lấy chiếc dao phát dài khoảng 75cm để dưới bộ dong gỗ cầm ở tay và nói với ông C: "Thầy vào lấy cái điện thoại báo cho Công an cây". Nghe anh T nói vậy H nói: "Anh mà gọi cho Công an thì em chết dừ đây". Vừa nói H vừa cầm 2 tay 2 dao chĩa mũi dao vào người H để đe dọa anh T và ông C nhưng anh T nói lại: "Mi chết kệ mi". Biết không thể đe dọa được anh T nên H lập tức đề nổ máy xe mô tô, vào số, tăng ga đâm thẳng vào người anh T. Thấy vậy, anh T liền lùi lại khoảng 2m. H vẫn tiếp tục tăng ga lao vào người anh Tranh. Buộc anh T phải lách tránh sang trái rồi dùng hai tay cầm con dao phát chặt một nhát vào lớp xe phía trước làm lớp xe bị thủng, xe bị ngã. H nhảy ra khỏi xe chạy ngược ra phía sau nhà rồi lội qua ao cá trước nhà anh Tranh. Tại ao cá H ném một chiếc dao xuống ao, còn một chiếc dao H cầm theo đi lên đường Quốc lộ 46C rồi rẽ phải tẩu thoát theo hướng vào xã C, huyện H, tỉnh A.

Sau khi tẩu thoát hướng về xã C, huyện H, tỉnh A, H cầm dao đi bộ theo bờ đê Tả Lam (phía dưới là đường QL46C). Khi đi được khoảng 600m (Lúc này vào khoảng 22 giờ ngày 26/5/2020), H nhìn thấy anh Trần Nhất Th, anh Đặng Thanh L, anh Ngô Xuân Ch và anh Ngô Đức T đang ngồi trên bờ đê Tả Lam thuộc xóm 1 xã L, huyện H, tỉnh A để hóng mát, bên cạnh dựng 3 chiếc xe mô tô. Phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Wawe biển kiểm soát 37N1- 519.98 của anh Th chìa khóa đang dặt ở ổ khóa nên H đi đến hỏi mượn anh Th chiếc xe đó nhưng anh Th không cho đồng

thời anh Th rút chìa khóa xe rồi cùng với anh T , anh L và anh Ch bỏ chạy. Không mượn được xe của anh Th , H tiếp tục đi bộ xuống chân đê theo mép đường Quốc lộ 46C hướng về xã C, huyện H . Khi đi được khoảng 400m thì H phát hiện có một quán bán nước mía trên bờ đê Tả Lam (Thuộc xóm 1, xã L, huyện H , tỉnh A) và cách đó khoảng 10m có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đỏ biển kiểm soát 37N1- 510.59 của chị Nguyễn Thị Vân (Lúc này vào khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày). Quan sát thấy không có ai trông giữ, nên H lén lút đi lên bờ đê, đi đến chiếc xe mô tô của chị V , phát hiện thấy chìa khóa xe đang dắt ở ổ khóa điện nên H quay đầu xe và ngồi lên xe, nổ máy điều khiển xe mô tô xuống dốc đê tẩu thoát theo hướng về xã C , huyện H , tỉnh A, đi lên Thị Trấn N, huyện Đ, tỉnh A sau đó ra đường Quốc Lộ 46 hướng về Thành Phố V , tỉnh A rồi rẽ theo đường Quốc lộ 46B đến ngã tư xã T, huyện H, tỉnh A thì rẽ trái đi theo đường Quốc lộ 1A (Tránh V ) để tẩu thoát ra huyện D, tỉnh A.

Đến 22 giờ ngày 31/5/2020, biết không thể che dấu được hành vi phạm tội, H đã tự nguyện đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đỏ biển kiểm soát 37N1- 510.59 đã trộm cắp được của chị Nguyễn Thị V.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/KLĐG-TTHS ngày 04/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện H kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wawe RS màu đỏ đen, biển kiểm soát 37L9-9270 có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là: 4.498.000đ; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đỏ biển kiểm soát 37N1- 510.59 có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 10.290.000đ.

Cáo trạng số 50/CT-VKS-HS ngày 08/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Phan Duy H về tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Duy H đã khai nhận hành vi mà bị cáo thực hiện giống như nội dung bản cáo trạng và nội dung vụ án như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phan Duy H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp tài sản”; xử phạt bị cáo Phan Duy H từ 09 tháng đến 12 tháng tù

về tội : “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội từ 05 năm 09 tháng đến 06 năm 06 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 phần viên gạch màu đỏ đã bị vỡ và 01 viên đá.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2]. *Về chứng cứ xác định tội danh:* Lời khai tại phiên tòa và lời khai trong quá trình điều tra của bị cáo là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 20 giờ ngày 26/5/2020 tại nhà anh Phan Đình T thuộc địa phận xóm 4, xã L, huyện H, tỉnh A, bị cáo Phan Duy H tay cầm 02 con dao đe dọa anh T tránh ra để nhằm mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RS màu đỏ đen BKS 37L9-9270 của anh T. Khi bị anh T đứng chặn ngay trước đầu xe không cho bị cáo lấy, bị cáo đã đề máy nổ xe, tăng ga đâm thẳng vào người anh T. Mặc dù anh T đã lùi lại khoảng 02m nhưng bị cáo vẫn tiếp tục tăng ga lao xe vào người anh T nhằm chiếm đoạt cho bằng được chiếc xe mô tô của anh T. Do anh T kịp thời chém vào lốp xe dẫn đến xe bị ngã nên H không lấy được xe và phải bỏ chạy.

Sau đó, đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày tại bờ đê Tả Lam thuộc địa phận xóm 1, xã L, huyện H, tỉnh A bị cáo tiếp tục lấy trộm của chị Nguyễn Thị V 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đỏ biển kiểm soát 37N1- 510.59.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RS màu đỏ đen BKS 37L9-9270 của anh Phan Đình T . Do bị cáo sử dụng chính chiếc xe mô tô của anh T để tấn công anh T nhằm cướp tài sản. Đây là phương tiện nguy hiểm. Nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với hành vi lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đỏ biển kiểm soát 37N1- 510.59 của chị Nguyễn Thị V . Do chiếc xe có giá trị là 10.290.000 đồng. Nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Bị cáo Phan Duy H phạm tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh A truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

*[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Đây là vụ án xâm phạm đồng thời đến hai quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ, đó là quyền sở hữu và tính mạng, sức khỏe của công dân. Bị cáo đã có hành vi vừa đe dọa vừa sử dụng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm tấn công người bị hại nhằm mục đích để chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Phan Đình T , có giá trị là 4.498.000đ. Ngoài ra bị cáo còn lợi dụng sự sơ hở để chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị V , chiếc xe có giá trị là 10.290.000đ. Những hành vi này là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho cả 02 người bị hại. Cả

hai người bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bố và mẹ đều được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Gia đình bị cáo hiện đang thờ cúng Liệt sĩ. Như vậy, bị cáo sẽ được hưởng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Bị cáo trong một ngày đã phạm hai tội trong đó có 01 tội rất nghiêm trọng, lại có nhân thân xấu nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục và cải tạo bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (Trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội: “Cướp tài sản” và xử bị cáo mức án được quy định ở đầu khung hình phạt của đối với tội: “Trộm cắp tài sản” cũng đủ điều kiện giáo dục và cải tạo bị cáo.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[4]. *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (là hình phạt tiền) đối với bị cáo.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại chị Nguyễn Thị V đã nhận lại chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt và đã được bị cáo bồi thường tiền thu nhập bị mất trong 05 ngày do không có phương tiện để đi làm việc với số tiền là 500.000đ; anh Phan Đình T đã nhận lại chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt và đã được bị cáo bồi thường tiền trị giá 02 con dao và trị giá xăm lốp xe mô tô bị hỏng với số tiền 500.000đ. Hiện cả 02 người bị hại không yêu cầu gì thêm. Nên Tòa miễn xét.

[6]. *Về vật chứng*: Trong quá trình điều tra, cơ quan CSĐT có thu giữ: 01 phần viên gạch màu đỏ đã bị vỡ, kích thước (7 x 10 x 6)cm; 01 viên đá có kích thước (17 x 12 x 5)cm; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wawe RS màu đỏ đen, biển kiểm soát 37L9-9270; chiếc dao phát và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đỏ biển kiểm soát 37N1- 510.59.

Hội đồng xét xử xét thấy: 02 chiếc xe mô tô là tài sản của hai người bị hại bị cáo chiếm đoạt. Nên Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc dao phát. Đây là con dao mà anh T sử dụng để chém vào lốp xe nhằm ngăn cản việc bị cáo chiếm đoạt xe. Đây là tài sản của gia đình anh T nên cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình anh T là đúng pháp luật.

01 phần viên gạch màu đỏ đã bị vỡ và 01 viên đá là công cụ bị cáo cầm theo với mục đích phòng thân. Do không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Đối với vật chứng là 02 con dao chặt mà bị cáo lấy của gia đình anh Tranh. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã truy tìm nhưng không có kết quả. Nên không có vật chứng để xử lý.

[8]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Phan Duy H phạm tội: “Cướp tài sản” và tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Duy H 06 (Sáu) năm tù về tội: “Cướp tài sản” và 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 31/5/2020.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 phần viên gạch màu đỏ đã bị vỡ, kích thước (7 x 10 x 6)cm; 01 viên đá có kích thước (17 x 12 x 5)cm.

(Đặc điểm chi tiết của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 06/11/2020 giữa Công an huyện H, tỉnh A và Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh A).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy



ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Phan Duy H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hai người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo và người bị hại.
- TAND tỉnh NA; Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thanh**

